

## SINH LÝ HỌC THẦN KINH

1. Về mặt giải phẫu, hệ thần kinh chia làm 2 phần:
  - A. Hệ thần kinh động vật và hệ thần kinh thực vật
  - B. Não bộ và tủy sống
  - C. Thần kinh giao cảm và phó giao cảm
  - D. Hệ thần kinh trung ương và hệ thần kinh ngoại biên
  - E. Dây thần kinh sọ và dây thần kinh sống
2. Hình thức hoạt động cơ bản của hệ thần kinh là:
  - A. Cảm giác
  - B. Vận động
  - C. Thực vật
  - D. Hoạt động thần kinh cao cấp
  - E. Phản xạ
3. Đơn vị cấu tạo cơ bản của hệ thần kinh là:
  - A. Xy nắp
  - B. Nơ ron
  - C. Thân của nơ ron
  - D. Đuôi gai của nơ ron
  - E. Sợi trục của nơ ron
4. Thân nơ ron không có chức năng nào sau đây:
  - A. Dinh dưỡng cho nơ ron
  - B. Tiếp nhận xung động thần kinh truyền đến nơ ron
  - C. Phát sinh xung động thần kinh
  - D. Dẫn truyền xung động thần kinh đi ra khỏi nơ ron
  - E. Cả 4 câu trên đều sai
5. Bộ phận của nơ ron tiếp nhận xung động thần kinh truyền đến là:
  - A. Sợi trục
  - B. Đuôi gai
  - C. Thân
  - D. Chủ yếu ở thân, 1 phần ở đuôi gai
  - E. Chủ yếu ở đuôi gai, 1 phần ở thân
6. Nói về sợi trục của nơ ron, câu nào sau đây sai:
  - A. Mỗi nơ ron chỉ có một sợi trục
  - B. Phần cuối sợi trục tiết ra chất trung gian hóa học
  - C. Phần cuối sợi trục chứa receptor tiếp nhận chất trung gian hóa học
  - D. Phần cuối sợi trục có xy nắp
  - E. Sợi trục là bộ phận duy nhất dẫn truyền xung động thần kinh đi ra khỏi nơ ron
7. Nói về đuôi gai của nơ ron, câu nào sau đây đúng:

- A. Mỗi nơ ron thường chỉ có một đuôi gai
  - B. Phần cuối đuôi gai có cúc tận cùng
  - C. Đuôi gai có thể tiết ra chất trung gian hoá học
  - D. Đuôi gai có thể tạo ra một phần của xy náp
  - E. Đuôi gai là bộ phận duy nhất tiếp nhận xung động thần kinh truyền đến nơ ron
8. Xy náp là chỗ nối giữa:
- A. Hai nơ ron ở trung ương
  - B. Hai nơ ron ở ngoại biên
  - C. Nơ ron với tế bào cơ quan
  - D. Nơ ron vận động với nơ ron cảm giác
  - E. Nơ ron với nơ ron hoặc nơ ron với tế bào cơ quan
9. Cấu tạo của xy náp hóa học:
- A. Phần trước xy náp thuộc sợi trục của nơ ron
  - B. Phần sau xy náp có thể là đuôi gai của nơ ron
  - C. Khe xy náp là nơi tổng hợp chất trung gian hoá học
  - D. Túi xy náp và receptor nằm cạnh nhau ở trên màng tế bào
  - E. Câu A và B đúng
10. Một xy náp hóa học gồm có 3 phần:
- A. Tế bào trước xy náp, khe xy náp, nơ ron sau xy náp
  - B. Tế bào trước xy náp, khe xy náp, tế bào sau xy náp
  - C. Cúc tận cùng của nơ ron trước xy náp, khe xy náp, nơ ron sau xy náp
  - D. Cúc tận cùng của nơ ron trước xy náp, khe xy náp, màng tế bào sau xy náp
  - E. Túi xy náp, khe xy náp, receptor
11. So với xy náp điện học, xy náp hóa học quan trọng hơn, vì:
- A. Chiếm đa số trong hệ thần kinh
  - B. Dẫn truyền xung động thần kinh rất nhanh
  - C. Chỉ cho xung động thần kinh truyền theo 1 chiều
  - D. Cả 3 câu trên đều đúng
  - E. Chỉ có câu A và C đúng
12. Nói về receptor, câu nào sau đây không đúng:
- A. Nằm trên màng tế bào sau xy náp
  - B. Có điểm gắn với một số chất trung gian hóa học đặc hiệu
  - C. Là một loại protein xuyên màng

- D. Nối với kênh ion hoặc liên kết với enzym
- E. Khi kết hợp với chất lạ sẽ không kết hợp với chất trung gian hóa học đặc hiệu nữa
13. Nói về chất trung gian hóa học, câu nào sau đây sai:
- A. Có khoảng 40 chất trung gian hóa học trong hệ thần kinh
- B. Chứa ở trong cúc tận cùng
- C. Khi đã giải phóng ra sẽ kết hợp vĩnh viễn với receptor đặc hiệu
- D. Đóng vai trò quan trọng trong sự dẫn truyền xung động thần kinh qua xy nắp
- E. Khi bị ứ đọng trong cơ thể sẽ gây ra nguy hiểm
14. Khi chất trung gian hóa học gắn vào receptor sẽ gây ra hiện tượng:
- A. Làm mở kênh ion hoặc hoạt hóa hay ức chế enzym gắn vào receptor
- B. Làm màng sau xy nắp chuyển sang điện thế động
- C. Kích thích tế bào sau xy nắp
- D. Ức chế tế bào sau xy nắp
- E. Làm mất tác dụng của receptor
15. Các chất trung gian hóa học thường gặp nhất là:
- A. Acetylcholin và histamin
- B. Epinephrin và serotonin
- C. Acetylcholin và glutamat
- D. Epinephrin và norepinephrin
- E. Acetylcholin và norepinephrin
16. Điện thế màng tế bào thần kinh khi nghỉ chủ yếu do:
- A.  $\text{Na}^+$  ở bên trong màng cao hơn bên ngoài
- B.  $\text{K}^+$  ở bên ngoài màng cao hơn bên trong
- C.  $\text{Cl}^-$  ở bên trong màng cao hơn bên ngoài
- D. Cả 3 câu trên đều đúng
- E. Cả 3 câu trên đều sai
17. Sự dẫn truyền qua xy nắp thần kinh vận động - cơ vân:
- A. Là sự dẫn truyền theo cơ chế hoá học
- B. Tăng lên khi bị nhiễm độc phospho hữu cơ
- C. Giảm đi trong bệnh nhược cơ
- D. Cả 3 câu trên đều đúng
- E. Cả 3 câu trên đều sai

18. Sự dẫn truyền qua xy nắp thần kinh phó giao cảm - cơ trơn phế quản:
  - A. Là sự dẫn truyền theo cơ chế điện học
  - B. Tăng lên khi bị nhiễm độc phospho hữu cơ
  - C. Tăng lên khi dùng thuốc kích thích  $\beta_2$
  - D. Cả 3 câu trên đều đúng
  - E. Cả 3 câu trên đều sai
19. Sự dẫn truyền qua xy nắp thần kinh phó giao cảm - cơ trơn ống tiêu hoá:
  - A. Là sự dẫn truyền theo cơ chế vừa điện học vừa hoá học
  - B. Giảm đi khi bị nhiễm độc phospho hữu cơ
  - C. Tăng lên khi dùng thuốc kích thích  $\beta_2$
  - D. Cả 3 câu trên đều đúng
  - E. Cả 3 câu trên đều sai
20. Chất trung gian hoá học ở xy nắp thần kinh phó giao cảm - cơ trơn phế quản là:
  - A. Acetylcholin
  - B. Dopamin
  - C. Norepinephrin
  - D. Glutamat
  - E. Serotonin
21. Chất trung gian hoá học ở xy nắp thần kinh giao cảm - cơ trơn phế quản là:
 

A. Acetylcholin	D. Glutamat
B. Dopamin	E. Epinephrin
C. Norepinephrin	
22. Chất trung gian hoá học ở xy nắp thần kinh phó giao cảm - cơ trơn ruột là:
 

A. Acetylcholin	D. Glutamat
B. Dopamin	E. Epinephrin
C. Norepinephrin	
23. Chất trung gian hoá học ở xy nắp thần kinh vận động - cơ vân là:
 

A. Acetylcholin	D. Glutamat
B. Dopamin	E. Curase
C. Norepinephrin	
24. Hãy sắp xếp các hiện tượng sau đây theo thứ tự đúng:
  1. Túi xy nắp vỡ
  2.  $Ca^{2+}$  đi vào cục tận cùng

- 
3. Chất trung gian hóa học kết hợp với receptor
4. Xung động thần kinh đi đến cúc tận cùng
5. Enzym thay đổi hoạt động hoặc kênh ion mở ra
6. Chất trung gian hóa học giải phóng vào khe xy nắp
- A. 1, 2, 3, 4, 5, 6
- B. 4, 3, 5, 1, 2, 6
- C. 3, 5, 1, 4, 6, 2
- D. 4, 2, 1, 6, 3, 5
- E. 4, 1, 2, 3, 5, 6
25. Ở xy nắp thần kinh phó giao cảm - cơ trơn phế quản, chất trung gian hóa học có tác dụng:
- A. Gây giãn phế quản
- B. Gây co phế quản
- C. Kích thích  $\beta_2$  adrenergic receptor
- D. Kích thích muscarinic receptor
- E. Câu A và D đều đúng
26. Ở xy nắp thần kinh giao cảm - cơ trơn phế quản, chất trung gian hóa học có tác dụng:
- A. Hoạt hóa adenylat cyclase
- B. Gây giãn phế quản
- C. Kích thích  $\beta_2$  adrenergic receptor gây co phế quản
- D. Kích thích muscarinic receptor gây giãn phế quản
- E. Câu A và B đều đúng
27. Một xung động thần kinh muốn truyền qua được xy nắp cần phải có điều kiện nào sau đây:
- A. Hướng dẫn truyền phải đi về phía các đuôi gai
- B. Phải làm tăng tổng hợp chất trung gian hóa học
- C. Phải làm tăng lượng  $Ca^{2+}$  đi vào cúc tận cùng
- D. Phải làm giải phóng 1 lượng nhất định chất trung gian hóa học vào khe xy nắp
- E. Phải kích thích tế bào sau xy nắp
28. Trong 1 nơ ron, xung động thần kinh được dẫn truyền:
- A. 1 chiều ở sợi trục, 1 chiều ở xy nắp
- B. 2 chiều ở sợi trục, 2 chiều ở xy nắp
- C. 1 chiều ở sợi trục, 2 chiều ở xy nắp

- D. 2 chiều ở sợi trục, 1 chiều ở xy náp
- E. Cả 4 câu trên đều đúng tùy theo từng trường hợp
29. Chất nào sau đây làm tăng dẫn truyền qua xy náp:
- A. Ephedrin  
B. Reserpin  
C. Aldomet  
D.  $Mg^{2+}$   
E. Cả 4 câu trên đều đúng
30. Chất nào sau đây làm giảm dẫn truyền qua xy náp:
- A. Atropin  
B. Neostigmin  
C. Phospho hữu cơ  
D.  $Ca^{2+}$   
E. Cả 4 câu trên đều sai
31. Enzym cholinesterase có tác dụng:
- A. Tăng tổng hợp acetylcholin  
B. Tăng kết hợp cholin với acetat để tạo acetylcholin  
C. Kích thích sự kết hợp của receptor với acetylcholin  
D. Tăng giải phóng acetylcholin vào khe xy náp  
E. Phân giải acetylcholin thành cholin và acetat
32. Physostigmin có tác dụng:
- A. Tăng giải phóng acetylcholin vào khe xy náp  
B. Chiếm receptor của acetylcholin  
C. Điều trị bệnh liệt ruột cơ năng do ức chế tạm thời cholinesterase  
D. Ức chế vĩnh viễn acetylcholin gây nguy hiểm cho cơ thể  
E. Tăng phân hủy acetylcholin thành cholin và acetat
33. Triệu chứng nào sau đây không có ở bệnh nhân nhiễm độc phospho hữu cơ:
- A. Ỉa chảy  
B. Nôn mửa  
C. Đau bụng  
D. Môi lưỡi khô  
E. Rung cơ vân
34. Khi điều trị atropin cho bệnh nhân nhiễm độc phospho hữu cơ, triệu chứng nào sau đây không thuyên giảm:
- A. Nôn  
B. Đau bụng  
C. Co đồng tử  
D. Rung cơ vân  
E. Tăng tiết đờm giải
35. Cơ chế bệnh lý của nhiễm độc phospho hữu cơ là:
- A. Tăng tổng hợp acetylcholin gây nhiễm độc acetylcholin

- 
- B. Giảm tổng hợp cholinesterase gây ứ đọng acetylcholin
- C. Không tổng hợp được acetylcholin làm mất dẫn truyền qua xy nắp
- D. Cholinesterase bị ức chế gây ứ đọng nặng nề acetylcholin
- E. Ái tính của receptor với acetylcholin tăng lên làm tăng dẫn truyền qua xy nắp
36. Curase chiếm receptor của acetylcholin tại xy nắp nào sau đây:
- A. Thần kinh giao cảm - cơ trơn phế quản
- B. Thần kinh phó giao cảm - tim
- C. Thần kinh vận động - cơ vân
- D. Thần kinh X - cơ trơn phế quản
- E. Thần kinh vận động - cơ chi dưới
37. Propranolon chiếm receptor của norepinephrin tại xy nắp nào sau đây:
- A. Thần kinh giao cảm - cơ trơn phế quản
- B. Thần kinh phó giao cảm - tim
- C. Thần kinh vận động - cơ vân
- D. Thần kinh X - cơ trơn phế quản
- E. Thần kinh vận động - cơ chi dưới
38. Atropin chiếm receptor của acetylcholin tại xy nắp nào sau đây:
- A. Thần kinh giao cảm - cơ trơn phế quản
- B. Thần kinh giao cảm - tim
- C. Thần kinh vận động - cơ vân
- D. Thần kinh X - cơ trơn phế quản
- E. Thần kinh vận động - cơ chi dưới
39. Sự khác nhau trong cơ chế tác dụng của tenormin và propranolon là:
- A. Tenormin ức chế  $\beta_1$ , propranolon ức chế  $\beta_2$
- B. Tenormin ức chế  $\beta_2$ , propranolon ức chế  $\beta_1$
- C. Tenormin ức chế cả  $\beta_1$  và  $\beta_2$ , propranolon chỉ ức chế  $\beta_1$
- D. Tenormin chỉ ức chế  $\beta_2$ , propranolon ức chế cả  $\beta_1$  và  $\beta_2$
- E. Tenormin chỉ ức chế  $\beta_1$ , propranolon ức chế cả  $\beta_1$  và  $\beta_2$
40. Khi điều trị atropin đến mức độ no atropin cho bệnh nhân bị nhiễm độc phospho hữu cơ, dấu hiệu nào sau đây sẽ xuất hiện:
- A. Đồng tử co nhỏ bằng đầu đinh ghim
- B. Yếu cơ vân
- C. Môi lưỡi khô

- 
- D. Nhịp tim giảm xuống  
E. Câu A và C đúng
41. Tác dụng của atropin ở xy nắp là:  
A. Ức chế tổng hợp acetylcholin trong cúc tận cùng  
B. Tăng phân giải acetylcholin trong khe xy nắp  
C. Ức chế giải phóng acetylcholin vào khe xy nắp  
D. Chiếm receptor của acetylcholin  
E. Cả 4 câu trên đều đúng
42. Atropin không có tác dụng điều trị bệnh nào sau đây:  
A. Hen phế quản  
B. Loét dạ dày  
C. Nhiễm độc phospho hữu cơ  
D. Cơn đau co thắt đường tiêu hóa  
E. Nhịp nhanh xoang
43. Chức năng các rễ thần kinh của tủy sống là:  
A. Rễ trước dẫn truyền cảm giác, rễ sau dẫn truyền vận động  
B. Rễ trước dẫn truyền cả cảm giác lẫn vận động, rễ sau chỉ dẫn truyền vận động  
C. Rễ trước dẫn truyền vận động, rễ sau dẫn truyền cảm giác  
D. Rễ phải dẫn truyền cảm giác, rễ trái dẫn truyền vận động  
E. Mỗi rễ vừa dẫn truyền cảm giác vừa dẫn truyền vận động
44. Nói về đặc điểm cấu tạo tủy sống, câu nào sau đây sai:  
A. Tủy sống được chia thành 31 đốt tủy  
B. Phần thấp nhất của tủy sống nằm ngang gian đốt sống thắt lưng 1-2  
C. Tủy sống là phần trung ương của hệ thần kinh nằm trong ống sống  
D. Mỗi đốt tủy có 2 dây thần kinh đi ra ở mỗi bên  
E. Chất trắng nằm ngoài, chất xám nằm trong
45. Đặc điểm nào sau đây không phải của đường tháp:  
A. Bất chéo  
B. Xuất phát từ vỏ não  
C. Chi phối động tác tay đánh đàn xa khi đi  
D. Tận cùng ở các cơ vân  
E. Chi phối vận động chủ động ở cổ, thân và tứ chi
46. Đặc điểm nào sau đây không phải của đường cảm giác sâu có ý thức:



- A. Dẫn truyền cảm giác bản thể
  - B. Tận cùng ở tiểu não
  - C. Xuất phát từ các bộ phận nhận cảm ở gân, cơ và khớp
  - D. Đi vào tủy sống qua rễ sau
  - E. Dẫn truyền xung động thần kinh từ ngoại vi đi lên trung ương
47. Câu nào sau đây đúng với đường cảm giác sâu không có ý thức:
- A. Dẫn truyền đến vỏ não cảm giác thẳng bằng để phối hợp động tác
  - B. Dẫn truyền đến tiểu não cảm giác trương lực cơ để phối hợp động tác
  - C. Dẫn truyền cảm giác bản thể
  - D. Tận cùng ở thùy đỉnh vỏ não
  - E. Dẫn truyền cảm giác xúc giác tinh tế
48. Câu nào sau đây đúng với chức năng của 2 bó Goll và Burdach:
- A. Dẫn truyền cảm giác sâu không có ý thức
  - B. Dẫn truyền cảm giác sâu có ý thức
  - C. Dẫn truyền cảm giác xúc giác thô sơ
  - D. Dẫn truyền cảm giác đau
  - E. Dẫn truyền cảm giác nóng lạnh
49. Câu nào sau đây đúng với chức năng của 2 bó Gowers và Flechsig:
- A. Dẫn truyền cảm giác sâu không có ý thức
  - B. Dẫn truyền cảm giác sâu có ý thức
  - C. Dẫn truyền cảm giác xúc giác thô sơ
  - D. Dẫn truyền cảm giác đau
  - E. Dẫn truyền cảm giác nóng lạnh
50. Câu nào sau đây đúng với chức năng của bó Dejerin trước:
- A. Dẫn truyền cảm giác sâu không có ý thức
  - B. Dẫn truyền cảm giác sâu có ý thức
  - C. Dẫn truyền cảm giác xúc giác thô sơ
  - D. Dẫn truyền cảm giác đau
  - E. Dẫn truyền cảm giác nóng lạnh
51. Câu nào sau đây đúng với chức năng của bó Dejerin sau:
- A. Dẫn truyền cảm giác sâu không có ý thức
  - B. Dẫn truyền cảm giác sâu có ý thức
  - C. Dẫn truyền cảm giác xúc giác thô sơ

- D. Dẫn truyền cảm giác đau, nóng lạnh
  - E. Dẫn truyền cảm giác xúc giác tinh tế
52. Cảm giác xúc giác tinh tế được dẫn truyền bởi bó thần kinh nào sau đây:
- A. Bó Goll và Burdach
  - B. Bó Gowers
  - C. Bó Flechsig
  - D. Bó Dejerin trước
  - E. Bó Dejerin sau
53. Phản xạ là những đáp ứng của cơ thể đối với:
- A. Các kích thích của môi trường ngoài thông qua hệ thần kinh
  - B. Các kích thích thông qua não
  - C. Các kích thích của môi trường ngoài thông qua tủy sống
  - D. Các kích thích thông qua hệ thần kinh trung ương
  - E. Các kích thích thông qua hệ thần kinh
54. Nói về phản xạ tủy, câu nào sau đây đúng:
- A. Cung phản xạ thường có 5 bộ phận
  - B. Đường truyền về là dây xúc giác
  - C. Đường truyền ra có thể là dây bài tiết
  - D. Khi một bộ phận bị tổn thương, phản xạ thường tăng lên
  - E. Không bị ảnh hưởng bởi vỏ não
55. Tất cả phản xạ sau đây đều có trung tâm ở tủy sống, ngoại trừ:
- A. Phản xạ bài tiết mồ hôi
  - B. Phản xạ đại tiện
  - C. Phản xạ nôn
  - D. Phản xạ tiểu tiện
  - E. Các phản xạ sinh dục
56. Nói về phản xạ gân, câu nào sau đây sai:
- A. Là một phản xạ tủy rất quan trọng
  - B. Bộ phận nhận cảm là gân cơ
  - C. Có trung tâm nhất định ở tủy sống
  - D. Có thể bị ảnh hưởng bởi vỏ não
  - E. Khi tổn thương trung ương, phản xạ gân luôn luôn tăng
57. Đoạn tủy chi phối phản xạ xương quay là:

- 
- A.  $C_4 - C_5$  D.  $C_5 - C_6 - C_7$   
 B.  $C_5 - C_6$  E.  $C_6 - C_7 - C_8$   
 C.  $C_4 - C_5 - C_6$
58. Đoạn tủy chi phối phản xạ nhị đầu cánh tay là:  
 A.  $C_4 - C_5$  D.  $C_5 - C_6 - C_7$   
 B.  $C_5 - C_6$  E.  $C_6 - C_7 - C_8$   
 C.  $C_4 - C_5 - C_6$
59. Đoạn tủy chi phối phản xạ tam đầu cánh tay là:  
 A.  $C_4 - C_5$  D.  $C_5 - C_6 - C_7$   
 B.  $C_5 - C_6$  E.  $C_6 - C_7 - C_8$   
 C.  $C_4 - C_5 - C_6$
60. Đoạn tủy chi phối phản xạ bánh chè là:  
 A.  $L_4 - L_5$  D.  $L_3 - L_4 - L_5$   
 B.  $L_3 - L_4$  E.  $L_1 - L_2 - L_3$   
 C.  $L_2 - L_3 - L_4$
61. Đoạn tủy chi phối phản xạ gân gót là:  
 A.  $L_4 - L_5$  D.  $S_1 - S_2 - S_3$   
 B.  $L_1 - S_2$  E.  $S_1 - S_2$   
 C.  $L_1 - S_1 - S_2$
62. Đoạn tủy chi phối phản xạ da bụng trên là:  
 A.  $T_5 - T_6 - T_7$  D.  $T_9 - T_{10} - T_{11}$   
 B.  $T_6 - T_7 - T_8$  E.  $T_{10} - T_{11} - T_{12}$   
 C.  $T_7 - T_8 - T_9$
63. Đoạn tủy chi phối phản xạ da bụng giữa là:  
 A.  $T_5 - T_6 - T_7$  D.  $T_9 - T_{10} - T_{11}$   
 B.  $T_6 - T_7 - T_8$  E.  $T_{10} - T_{11} - T_{12}$   
 C.  $T_7 - T_8 - T_9$
64. Đoạn tủy chi phối phản xạ da bụng dưới là:  
 A.  $T_5 - T_6 - T_7$  D.  $T_9 - T_{10} - T_{11}$   
 B.  $T_6 - T_7 - T_8$  E.  $T_{10} - T_{11} - T_{12}$   
 C.  $T_7 - T_8 - T_9$
65. Đoạn tủy chi phối phản xạ da bìu là:  
 A.  $L_1 - L_2 - L_3$  B.  $L_2 - L_3$

C.  $L_1 - L_3$

E.  $L_1 - L_2$

D.  $L_3 - L_4$

66. Khi phản xạ gân tăng, thì:

A. Tổn thương trung ương

B. Tổn thương ngoại biên

C. Giai đoạn đầu của tổn thương trung ương

D. Giai đoạn sau của tổn thương ngoại biên

E. Không có dấu hiệu Babinski

67. Khi phản xạ gân giảm, thì:

A. Tổn thương trung ương

B. Tổn thương ngoại biên

C. Giai đoạn đầu của tổn thương trung ương

D. Không có dấu hiệu Babinski

E. Câu B và C đúng

68. Ở trẻ trên 2 tuổi và người lớn, khi có dấu hiệu Babinski, thì:

A. Tổn thương trung ương

B. Tổn thương ngoại biên

C. Giai đoạn đầu của tổn thương trung ương

D. Phản xạ gân tăng

E. Phản xạ gân giảm

69. Nghiệm pháp Jendrassik được sử dụng khi thăm khám:

A. Phản xạ gân chi trên

B. Phản xạ da bụng

C. Phản xạ da bìu

D. Phản xạ gân chi dưới

E. Phản xạ tam đầu cánh tay

70. Nói về phản xạ Babinski, câu nào sau đây không đúng:

A. Là một phản xạ da

B. Có dấu hiệu Babinski khi ngón cái vểnh lên và các ngón khác xòe ra như nan quạt

C. Có dấu hiệu Babinski là có tổn thương bó tháp

D. Khi có dấu hiệu Babinski thì phản xạ gân luôn luôn tăng

E. Bình thường, trẻ dưới 2 tuổi có thể có dấu hiệu Babinski

71. Nói về phản xạ da, câu nào sau đây đúng:
- A. Phản xạ da có biểu hiện là khi gãi vào da thì da co lại
  - B. Khi tổn thương trung ương, phản xạ da luôn luôn tăng
  - C. Khi phản xạ da giảm hoặc mất, chắc chắn là tổn thương ngoại biên
  - D. Có giá trị ở lâm sàng hơn phản xạ gân
  - E. Cả 4 câu trên đều sai
72. Nói về hành não, câu nào sau đây sai:
- A. Nằm ở vị trí thấp nhất của hệ thần kinh trung ương
  - B. Là nơi xuất phát của dây thần kinh sọ số X
  - C. Là trung tâm của nhiều phản xạ sinh mạng
  - D. Chứa trung tâm hô hấp
  - E. Có 3 chức năng: dẫn truyền, phản xạ và điều hòa trương lực cơ
73. Phản xạ nào sau đây được dùng để chẩn đoán loại nhịp nhanh kịch phát:
- A. Phản xạ giảm áp
  - B. Phản xạ điều hòa tại tim
  - C. Phản xạ nuốt
  - D. Phản xạ Goltz
  - E. Phản xạ mắt - tim
74. Tất cả phản xạ sau đây đều có trung tâm ở hành não, ngoại trừ:
- A. Phản xạ sắc
  - B. Phản xạ đại tiện
  - C. Phản xạ nôn
  - D. Phản xạ bài tiết dịch tiêu hoá
  - E. Phản xạ nhai
75. Nói về phản xạ giảm áp, câu nào sau đây đúng:
- A. Đường truyền về là dây Cyon và Hering
  - B. Bộ phận nhận cảm nằm ở trong van động mạch chủ
  - C. Đường truyền ra là dây Ludwig
  - D. Là một phản xạ không cần thiết
  - E. Trung tâm cao cấp nằm ở vỏ não
76. Nói về phản xạ mắt - tim, câu nào sau đây đúng:
- A. Đường truyền về là dây thị giác
  - B. Bộ phận nhận cảm nằm ở mi mắt

- C. Đường truyền ra là dây X
  - D. Là một phản xạ có điều kiện
  - E. Trung tâm cao cấp nằm ở vùng thị giác thuộc thùy chẩm
77. Nói về phản xạ Goltz, câu nào sau đây đúng:
- A. Đường truyền về là nhánh cảm giác của dây X
  - B. Bộ phận nhận cảm nằm ở thành bụng
  - C. Đường truyền ra là dây X
  - D. Là một phản xạ có lợi
  - E. Câu A và C đều đúng
78. Hành não có vai trò sinh mạng là vì:
- A. Có chức năng dẫn truyền cảm giác và vận động
  - B. Có nhân của nhiều dây thần kinh sọ
  - C. Có những trung tâm điều hòa hô hấp và tim mạch
  - D. Có trung tâm điều hòa vận động và bài tiết của ống tiêu hóa
  - E. Nơi bó tháp bắt chéo và có nhân tiền đình
79. Hành não có chức năng điều hòa trương lực cơ vì:
- A. Chứa nhân đỏ làm tăng trương lực cơ
  - B. Chứa nhân tiền đình làm giảm trương lực cơ
  - C. Chứa nhân đỏ làm giảm trương lực cơ
  - D. Chứa nhân tiền đình làm tăng trương lực cơ
  - E. Chứa nhân đỏ và nhân tiền để điều hòa trương lực cơ
80. Tình trạng duỗi cứng mất não xảy ra khi:
- A. Cắt ngang não con vật phía trên nhân đỏ
  - B. Cắt ngang não con vật ngay phía dưới nhân đỏ
  - C. Cắt ngang não con vật dưới nhân tiền đình
  - D. Phá hủy hành não
  - E. Tổn thương vỏ não
81. Bệnh nhân bị tổn thương vỏ não bên trái sẽ có biểu hiện nào sau đây:
- A. Tay và chân bên trái co
  - B. Tay và chân bên phải co
  - C. Tay phải co, chân phải duỗi
  - D. Tay trái co, chân trái duỗi
  - E. Hai tay co, hai chân duỗi

82. Một bệnh nhân có các triệu chứng ở chân phải như sau: liệt chân, phản xạ bánh chè và gân gót giảm, không có dấu hiệu Babinski, không mất cảm giác. Khả năng bệnh nhân bị tổn thương ở đâu:
- A. Tổn thương ở não bên trái
  - B. Tổn thương bó tháp
  - C. Tổn thương rễ trước tủy sống
  - D. Tổn thương rễ sau tủy sống
  - E. Cả 4 câu trên đều đúng tùy theo từng trường hợp
83. Khi bị mất não, bệnh nhân có biểu hiện:
- A. Co chi trên, co chi dưới
  - B. Duỗi chi trên, co chi dưới
  - C. Co chi trên, duỗi chi dưới
  - D. Chi trên chi dưới đều duỗi
  - E. Co nửa người, duỗi nửa người
84. Phối hợp vận động chủ động được thực hiện bởi cấu trúc thần kinh nào sau đây:
- A. Các nhân xám dưới vỏ
  - B. Tiểu não cổ
  - C. Vỏ não và tiểu não mới
  - D. Nhân tiền đình
  - E. Nhân đỏ
85. Nói về chức năng của các phần tiểu não, câu nào sau đây đúng:
- A. Nguyên tiểu não tức thùy nhộng điều hòa trương lực cơ
  - B. Tiểu não cổ điều hòa các động tác chủ động
  - C. Tiểu não mới điều hòa các động tác tự động
  - D. Vỏ não phối hợp với nguyên tiểu não để điều hòa động tác chủ động
  - E. Cả 4 câu trên đều sai
86. Đường dẫn truyền thần kinh nào sau đây không liên hệ với tiểu não:
- A. Đường tháp
  - B. Đường cảm giác đau, nóng lạnh
  - C. Đường cảm giác thăng bằng xuất phát từ mê cung
  - D. Đường cảm giác sâu có ý thức
  - E. Đường cảm giác sâu không có ý thức
87. Tiểu não giúp cho chúng ta thực hiện được các chức năng sau, ngoại trừ:

- A. Dễ dàng đi lại bằng 2 chân
  - B. Nằm yên trên giường
  - C. Tránh vấp ngã khi đi lại
  - D. Điều khiển xe 2 bánh
  - E. Viết được chữ
88. Hội chứng tiểu não không có triệu chứng nào sau đây:
- A. Tăng trương lực cơ
  - B. Run
  - C. Sai tầm, sai hướng
  - D. Mất thăng bằng
  - E. Giật nhãn cầu
89. Nói về vùng dưới đồi, câu nào sau đây sai:
- A. Là một phần của gian não
  - B. Tập hợp khoảng 40 nhân xám
  - C. Có 2 loại nơ ron: nơ ron bài tiết hormon và nơ ron bài tiết chất trung gian hóa học
  - D. Vừa có chức năng thần kinh vừa có chức năng nội tiết
  - E. Ít có liên hệ với tuyến yên
90. Vùng dưới đồi không có chức năng nào sau đây :
- A. Điều hòa tuần hoàn
  - B. Điều hòa thân nhiệt
  - C. Điều hòa cảm giác thèm ăn
  - D. Điều hòa phản xạ thăng bằng
  - E. Điều hòa cảm giác khát
91. Nói về hệ thần kinh tự động, câu nào sau đây sai:
- A. Chi phối hoạt động của các tạng, mạch máu, dinh dưỡng cho tế bào...
  - B. Còn được gọi là hệ thần kinh thực vật
  - C. Chia làm 2 hệ: giao cảm và phó giao cảm
  - D. Hoạt động hoàn toàn tự động
  - E. Trung tâm cao nằm ở vùng dưới đồi
92. Dịch não tủy có các tính chất và thành phần bình thường như sau:
- A. Protein 15 - 45 g/L
  - B. Glucose 5 - 7 g/L



- C. NaCl 9%
- D. Áp lực 12 mm Hg
- E. Cả 4 câu trên đều sai
93. Nói về sự lưu thông của dịch não tủy, câu nào sau đây đúng:
- A. Từ não thất III, dịch não tủy đổ vào não thất bên qua lỗ Monro
- B. Từ não thất bên, dịch não tủy đổ vào não thất III qua cống Sylvius
- C. Từ não thất IV, dịch não tủy đổ vào não thất bên qua lỗ Magendie
- D. Từ não thất III, dịch não tủy đổ vào não thất IV qua cống Sylvius
- E. Từ não thất III, dịch não tủy đổ vào não thất IV qua lỗ Luschka
94. Dịch não tủy:
- A. Số lượng ở người trưởng thành khoảng 40 ml
- B. Trong 24 giờ được đổi mới 5 - 10 lần
- C. Có hàm lượng đường bằng 2/3 đường máu
- D. Có dưới 50 bạch cầu lympho/1 mm<sup>3</sup>
- E. Cả 4 câu trên đều đúng
95. Một bệnh nhân có kết quả xét nghiệm dịch não tủy như sau: màu sắc hơi mờ, bạch cầu 300/mm<sup>3</sup>, lympho chiếm 70%, protein tăng vừa, glucose và NaCl giảm. Hướng chẩn đoán ưu tiên là:
- A. Viêm màng não do phế cầu
- B. Viêm màng não do lao
- C. Viêm màng não do virus
- D. Viêm màng não do virus kết hợp hạ đường huyết
- E. Giai đoạn đầu của viêm màng não mủ
96. Các vùng chức năng trên vỏ não theo bản đồ Brodmann được định vị như sau:
- A. Vùng vị giác là vùng 34 thuộc thùy đỉnh
- B. Vùng thính giác là vùng 17 thuộc thùy thái dương
- C. Vùng cảm giác là các vùng 1, 2 và 3 thuộc hồi trán lên
- D. Vùng khứu giác là vùng 34 thuộc hệ viền
- E. Cả 4 câu trên đều đúng
97. Các vùng thị giác trên vỏ não theo bản đồ Brodmann được định vị như sau:
- A. Là các vùng 17, 18 và 19 thuộc thùy thái dương
- B. Vùng 17 là vùng thị giác nhận thức
- C. Vùng 18, 19 là vùng thị giác thông thường

- D. Khi vùng 18 và 19 bị tổn thương thì không nhìn thấy được mọi vật
- E. Cả 4 câu trên đều sai
98. Các vùng thính giác trên vỏ não theo bản đồ Brodmann được định vị như sau:
- A. Là các vùng 22, 41 và 42 thuộc thùy thái dương
- B. Vùng 41 và 42 là vùng thính giác nhận thức
- C. Vùng 22 là vùng thính giác thông thường
- D. Khi vùng 22 bị tổn thương thì không nghe thấy âm thanh
- E. Cả 4 câu trên đều đúng
99. Vùng vận động của vỏ não:
- A. Nằm ở hồi trán lên
- B. Có diện tích lớn nhất
- C. Vùng vận động của bàn tay có diện tích rộng hơn các bộ phận khác
- D. Hoạt động theo qui luật bất chéo
- E. Cả 4 câu trên đều đúng
100. Các vùng lời nói của vỏ não:
- A. Phân bố đều ở hai bên vỏ não
- B. Khi vùng Broca tổn thương, bệnh nhân sẽ bị câm và điếc
- C. Vùng Wernicke chính là các vùng 44 và 45 của thùy trán
- D. Khi vùng Broca bị tổn thương, bệnh nhân vẫn có thể học được chữ
- E. Khi vùng Wernicke bị tổn thương, bệnh nhân vẫn có thể học được chữ
101. Hệ giao cảm và phó giao cảm giống nhau ở đặc điểm nào sau đây:
- A. Trung tâm thấp
- B. Chất trung gian hóa học của sợi trước hạch
- C. Chất trung gian hóa học của sợi sau hạch
- D. Receptor tiếp nhận ở cơ quan
- E. Kích thích của sợi trước hạch và sợi sau hạch
102. Nói về trung tâm cao của hệ thần kinh tự động, câu nào sau đây đúng:
- A. Trung tâm của giao cảm nằm phía trước vùng dưới đồi
- B. Trung tâm của phó giao cảm nằm phía sau vùng dưới đồi
- C. Trung tâm của cả 2 hệ đều nằm phía trước vùng dưới đồi
- D. Trung tâm của cả 2 hệ đều nằm phía sau vùng dưới đồi
- E. Cả 4 câu trên đều sai
103. Nói về trung tâm thấp của hệ giao cảm, câu nào sau đây đúng:

- 
- A. Nằm ở sừng bên đốt tủy  $T_3$  đến  $L_1$   
B. Phía trên nằm ở hành não, phía dưới nằm ở sừng bên đốt tủy  $L_2$  đến  $L_4$   
C. Nằm ở sừng bên đốt tủy  $T_1$  đến  $S_1$   
D. Nằm ở sừng bên đốt tủy  $T_1$  đến  $L_3$   
E. Phía trên nằm ở hành não, phía dưới nằm ở sừng bên đốt tủy  $S_2$  đến  $S_4$
104. Nói về trung tâm thấp của hệ phó giao cảm, câu nào sau đây đúng:  
A. Nằm ở sừng bên đốt tủy  $T_3$  đến  $L_1$   
B. Phía trên nằm ở hành não, phía dưới nằm ở sừng bên đốt tủy  $L_2$  đến  $L_4$   
C. Nằm ở sừng bên đốt tủy  $T_1$  đến  $S_1$   
D. Nằm ở sừng bên đốt tủy  $T_1$  đến  $L_3$   
E. Phía trên nằm ở hành não, phía dưới nằm ở sừng bên đốt tủy  $S_2$  đến  $S_4$
105. Receptor tiếp nhận acetylcholin được gọi là:  
A. Noradrenergic receptor  
B.  $\alpha$  receptor  
C.  $\beta$  receptor  
D. Cholinergic receptor  
E. Baroreceptor
106. Receptor tiếp nhận noradrenalin được gọi là:  
A. Noradrenergic receptor  
B.  $\alpha$  receptor  
C.  $\beta$  receptor  
D. Cholinergic receptor  
E. Baroreceptor
107. Hạch giao cảm cạnh sống bao gồm các hạch sau, ngoại trừ:  
A. Hạch cổ trên  
B. Hạch cổ dưới  
C. Hạch cổ giữa  
D. Hạch đám rối dương  
E. Hạch lưng và bụng
108. Hạch phó giao cảm bao gồm các hạch sau, ngoại trừ:  
A. Hạch mi  
B. Hạch tai  
C. Hạch mũi

- D. Hạch dưới hàm  
E. Hạch vòm khẩu cái
109. Nói về chất trung gian hóa học của hệ thần kinh tự động, câu nào sau đây đúng:  
A. Tất cả sợi sau hạch giao cảm đều bài tiết norepinephrin  
B. Phần lớn sợi sau hạch phó giao cảm bài tiết acetylcholin  
C. Sợi giao cảm chi phối cho tuyến thượng thận bài tiết ra norepinephrin  
D. Chỉ có sợi sau hạch phó giao cảm bài tiết acetylcholin  
E. Cả 4 câu trên đều sai
110. Chất trung gian hóa học của sợi sau hạch phó giao cảm là:  
A. Epinephrin  
B. Norepinephrin  
C. Dopamin  
D. Acetylcholin  
E. Cả 4 câu trên đều sai
111. Chất trung gian hóa học của sợi sau hạch giao cảm là:  
A. Epinephrin  
B. Norepinephrin  
C. Dopamin  
D. Acetylcholin  
E. Câu B và D đều đúng
112. Nói về hạch giao cảm, câu nào sau đây đúng:  
A. Nằm ở sừng bên chất xám tủy sống  
B. Có chứa xy nắp thần kinh - thần kinh  
C. Là nơi tiếp xúc giữa nơ ron trung ương và nơ ron ngoại vi  
D. Chất trung gian hoá học tại hạch giao cảm là norepinephrin  
E. Cả 4 câu trên đều sai
113. Nói về hạch phó giao cảm, câu nào sau đây đúng:  
A. Luôn nằm ngay trong các cơ quan  
B. Có chứa xy nắp thần kinh - cơ quan  
C. Là nơi tiếp xúc giữa nơ ron trung ương và nơ ron nội tại của cơ quan  
D. Chất trung gian hoá học tại hạch phó giao cảm là acetylcholin  
E. Cả 4 câu trên đều sai
114. Câu nào sau đây đúng với tác dụng của hệ thần kinh tự động lên tim:

- A. Kích thích giao cảm làm tăng thời gian nghỉ của tim
  - B. Kích thích phó giao cảm làm giảm co bóp tâm thất
  - C. Kích thích giao cảm làm giảm co bóp tâm nhĩ
  - D. Kích thích giao cảm làm tăng mọi hoạt động của tim
  - E. Kích thích phó giao cảm làm giảm mọi hoạt động của tim
115. Câu nào sau đây đúng với tác dụng của hệ thần kinh tự động lên hệ tiêu hóa:
- A. Kích thích giao cảm làm tăng nhu động ruột
  - B. Kích thích giao cảm có thể gây ra loét dạ dày
  - C. Kích thích phó giao cảm làm giảm tiết dịch tiêu hóa
  - D. Kích thích giao cảm tăng tiết dịch tiêu hóa
  - E. Kích thích phó giao cảm làm tăng nhu động ruột
116. Kích thích phó giao cảm sẽ gây ra tác dụng nào sau đây:
- A. Giãn túi mật
  - B. Tăng bài tiết adrenalin và noradrenalin của tuyến thượng thận
  - C. Giảm bài tiết insulin và glucagon của tuyến tụy
  - D. Tăng bài tiết renin của tổ chức cạnh cầu thận
  - E. Cả 4 câu trên đều sai
117. Kích thích giao cảm sẽ gây ra tác dụng nào sau đây:
- A. Co túi mật
  - B. Tăng bài tiết adrenalin và noradrenalin của tuyến thượng thận
  - C. Tăng bài tiết enzym tiêu hóa của tuyến tụy
  - D. Giảm bài tiết renin của tổ chức cạnh cầu thận
  - E. Cả 4 câu trên đều sai
118. Sự phân bố receptor của hệ giao cảm ở tim và mạch máu như sau:
- A. Tim chỉ có  $\alpha$ , mạch có cả  $\alpha$  và  $\beta$
  - B. Tim chỉ có  $\beta$ , mạch chỉ có  $\alpha$
  - C. Tim có cả  $\alpha$  và  $\beta$ , mạch chỉ có  $\alpha$
  - D. Tim chỉ có  $\beta_2$ , mạch có cả  $\alpha$  và  $\beta$
  - E. Tim chỉ có  $\beta_1$ , mạch có cả  $\alpha$  và  $\beta$
119. Câu nào sau đây đúng với tác dụng của hệ thần kinh tự động lên động mạch:
- A. Kích thích giao cảm làm co toàn bộ động mạch
  - B. Kích thích phó giao cảm làm giãn toàn bộ động mạch
  - C. Kích thích giao cảm làm giãn phần lớn động mạch

- D. Kích thích phó giao cảm làm co phần lớn động mạch
  - E. Kích thích  $\beta$  receptor của giao cảm làm giãn động mạch
120. Kích thích  $\alpha$  receptor sẽ gây nên:
- A. Tăng nhịp tim
  - B. Giảm nhịp tim
  - C. Co mạch
  - D. Giãn mạch
  - E. Giảm huyết áp
121. Ức chế  $\beta_1$  receptor sẽ gây nên:
- A. Tăng nhịp tim
  - B. Giãn cơ trơn phế quản
  - C. Giãn mạch
  - D. Tăng lực co bóp của tim
  - E. Giảm huyết áp
122. Ức chế  $\alpha$  receptor sẽ gây nên:
- A. Tăng nhịp tim
  - B. Giảm nhịp tim
  - C. Co mạch
  - D. Giãn mạch
  - E. Tăng huyết áp
123. Prazosin (minipress) là thuốc hạ huyết áp thông qua cơ chế:
- A. Ức chế  $\beta_1$  receptor
  - B. Kích thích  $\beta_2$  receptor
  - C. Làm giảm nhịp tim
  - D. Làm giảm lực co bóp của tim
  - E. Ức chế  $\alpha_1$  receptor làm giãn mạch
124. Atropin là một loại thuốc:
- A. Cường giao cảm
  - B. Giống giao cảm
  - C. Ức chế giao cảm
  - D. Cường phó giao cảm
  - E. Ức chế phó giao cảm
125. Ephedrin là một loại thuốc:

- 
- A. Cường giao cảm  
B. Giống giao cảm  
C. Ưc chế giao cảm  
D. Cường phó giao cảm  
E. Ưc chế phó giao cảm
126. Reserpin là một loại thuốc:  
A. Cường giao cảm  
B. Giống giao cảm  
C. Ưc chế giao cảm  
D. Cường phó giao cảm  
E. Ưc chế phó giao cảm
127. Propranolon là một loại thuốc:  
A. Cường giao cảm  
B. Giống giao cảm  
C. Ưc chế giao cảm  
D. Cường phó giao cảm  
E. Ưc chế phó giao cảm
128. Neostigmin là một loại thuốc:  
A. Cường giao cảm  
B. Giống giao cảm  
C. Ưc chế giao cảm  
D. Cường phó giao cảm  
E. Ưc chế phó giao cảm
129. Dopamin là một loại thuốc:  
A. Cường giao cảm  
B. Giống giao cảm  
C. Ưc chế giao cảm  
D. Cường phó giao cảm  
E. Ưc chế phó giao cảm
130. Tác dụng của thần kinh tự động lên đồng tử của mắt:  
A. Thần kinh phó giao cảm làm giãn cơ tia gây co đồng tử  
B. Thần kinh giao cảm làm giãn cơ vòng gây giãn đồng tử  
C. Thần kinh phó giao cảm làm co cơ tia gây giãn đồng tử  
D. Thần kinh phó giao cảm làm co cơ vòng gây co đồng tử  
E. Thần kinh giao cảm làm co cơ tia gây co đồng tử
131. Adrenalin là một loại thuốc:  
A. Cường giao cảm  
B. Giống giao cảm

- 
- C. Ức chế giao cảm  
D. Cường phó giao cảm  
E. Ức chế phó giao cảm
132. Salbutamol là một loại thuốc:  
A. Cường giao cảm  
B. Giống giao cảm  
C. Ức chế giao cảm  
D. Cường phó giao cảm  
E. Ức chế phó giao cảm
133. Tenormin là một loại thuốc:  
A. Cường giao cảm  
B. Giống giao cảm  
C. Ức chế giao cảm  
D. Cường phó giao cảm  
E. Ức chế phó giao cảm
134. Isoprenalin là một loại thuốc:  
A. Cường giao cảm  
B. Giống giao cảm  
C. Ức chế giao cảm  
D. Cường phó giao cảm  
E. Ức chế phó giao cảm
135. Thần kinh giao cảm chi phối hoạt động của tuyến thượng thận thông qua chất trung gian hoá học nào sau đây:  
A. Epinephrin  
B. Norepinephrin  
C. Dopamin  
D. Acetylcholin  
E. Cả 4 câu trên đều sai
136. Kích thích  $\beta_1$  receptor sẽ gây nên:  
A. Giảm nhịp tim  
B. Giảm huyết áp  
C. Co mạch  
D. Tăng lực co bóp của tim  
E. Co cơ trơn phế quản
137. Ức chế  $\beta_2$  receptor sẽ gây nên:  
A. Giảm nhịp tim



- B. Giảm huyết áp
  - C. Co mạch
  - D. Giảm lực co bóp của tim
  - E. Giãn cơ trơn phế quản
138. Vỏ não là nơi tập trung tất cả thân nơ ron của hệ thần kinh. Đ/S
139. Thân nơ ron có màu xám vì chứa thể Nissl. Đ/S
140. Mỗi nơ ron chỉ tham gia cấu tạo một xy náp. Đ/S
141. Xy náp được chia làm 4 loại: xy náp thần kinh-thần kinh, xy náp thần kinh-cơ quan, xy náp điện và xy náp hoá. Đ/S
142. Toàn bộ hệ thần kinh có khoảng 40 loại xy náp hoá học. Đ/S
143. Xy náp hoá học chủ yếu cho phép xung động thần kinh dẫn truyền theo một chiều. Đ/S
144. Xy náp acetylcholin là một loại xy náp quan trọng của cơ thể. Đ/S
145. Xy náp thần kinh - thần kinh luôn luôn là xy náp điện. Đ/S
146. Mỗi nơ ron chỉ bài tiết một loại chất trung gian hoá học. Đ/S
147. Ở trạng thái nghỉ, bên trong màng nơ ron có điện thế thấp hơn bên ngoài. Đ/S
148. Điện thế nghỉ màng nơ ron có giá trị là + 35 mV. Đ/S
149. Sự dẫn truyền xung động thần kinh thực chất là sự dẫn truyền điện thế động. Đ/S
150. Xung động thần kinh chỉ được truyền ra khỏi nơ ron khi hướng truyền của nó là về phía các cúc tận cùng. Đ/S
151.  $\text{Ca}^{2+}$  và  $\text{Mg}^{2+}$  là các yếu tố cần cho quá trình vỡ của các túi xy náp. Đ/S
152. Chất trung gian hoá học chỉ gây ra tác dụng khi nó gắn được vào receptor. Đ/S
153. Khi chất trung gian hoá học được giải phóng ra nhiều thì chắc chắn nó sẽ gây ra tác dụng ở phần sau xy náp. Đ/S
154. Receptor là một loại protein xuyên màng. Đ/S
155. Khi enzym tại khe xy náp bị bất hoạt, sự dẫn truyền qua xy náp sẽ bị ức chế. Đ/S
156. Các kênh ion sẽ mở ra hoặc đóng lại khi receptor kênh ion gắn vào chất trung gian hoá học. Đ/S
157. Mỗi receptor chỉ tiếp nhận một chất trung gian hoá học đặc hiệu, ngoài ra không tiếp nhận chất nào khác. Đ/S
158. Xung động thần kinh truyền đi qua nơ ron và xy náp đều theo cơ chế hoá học. Đ/S
159. Chất trung gian hoá học có tác dụng kích thích là chất làm mở kênh  $\text{Na}^+$ . Đ/S
160. Khi điện thế màng tế bào có giá trị  $< -70$  mV thì tế bào dễ bị kích thích. Đ/S

- 
161. Tốc độ dẫn truyền xung động thần kinh qua xy nắp khoảng 50 - 100 m/s. Đ/S
162. Xy nắp hoá dẫn truyền xung động thần kinh nhanh hơn xy nắp điện. Đ/S
163. Mỗi xy nắp là hiện tượng chất trung gian hoá học bị ứ đọng trong khe xy nắp. Đ/S
164. Hiện tượng mỗi xy nắp là có lợi đối với xy nắp. Đ/S
165. Reserpin làm phóng thích từ từ epinephrin và norepinephrin vào khe xy nắp nên làm tăng dẫn truyền qua xy nắp. Đ/S
166. Các yếu tố ức chế tạm thời enzym cholinesterase là những chất độc đối với cơ thể. Đ/S
167. Nhiễm độc phospho hữu cơ chính là nhiễm độc acetylcholin. Đ/S
168. Atropin có thể chiếm receptor của acetylcholin ở tất cả các xy nắp acetylcholin. Đ/S
169. Vị trí chọc dò dịch não tủy tốt nhất là ở gian đốt sống thắt lưng 1 - 2. Đ/S
170. Chất xám của tủy sống chính là những đường dẫn truyền xung động thần kinh. Đ/S
171. Cảm giác sâu có ý thức sẽ bị mất trong bệnh Tabès do 2 bó Goll và Burdach bị tổn thương. Đ/S
172. Cảm giác xúc giác thô sơ cũng như cảm giác xúc giác tinh tế đều do bó Dejerin trước dẫn truyền. Đ/S
173. Đường cảm giác đau tận cùng ở vỏ não đối bên. Đ/S
174. Bộ phận nhận cảm của phản xạ trương lực cơ là gân cơ. Đ/S
175. Mỗi phản xạ gân có một trung tâm nhất định ở tủy sống gồm một hay nhiều đốt tủy liên tiếp. Đ/S
176. Trong mọi trường hợp, khi có dấu hiệu Babinski thì chắc chắn bó tháp bị tổn thương. Đ/S
177. Khi phản xạ gân tăng thì chắc chắn có dấu hiệu Babinski. Đ/S
178. Khi tổn thương trung ương, phản xạ da có thể tăng hoặc giảm. Đ/S
179. Tiểu não không có vai trò trong động tác nói của chúng ta. Đ/S
180. Vùng dưới đồi sẽ bắt đầu biệt hóa theo hướng "đực", "cái" khi trẻ được 7 đến 12 tuần tuổi. Đ/S
181. Khi thân nhiệt tăng sẽ kích thích vào trung tâm chống nóng ở phía sau của vùng dưới đồi. Đ/S
182. Khi nhân cạnh não thất bị tổn thương sẽ gây ra bệnh đái tháo nhạt. Đ/S
183. Vùng dưới đồi có vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dạ của sản phụ. Đ/S
184. Khi nhân bụng giữa tăng hoạt động, bệnh nhân sẽ bị chứng béo phì. Đ/S

- 
185. Dịch não tủy do các đám rối màng mạch trong khoang dưới nhện bài tiết. Đ/S
186. Khi chọc dịch não tủy thấy màu sắc trong thì chắc chắn bệnh nhân không bị viêm màng não. Đ/S
187. Trong viêm màng não do lao, nồng độ NaCl dịch não tủy giảm do có hiện tượng tăng tiết ADH bất thường. Đ/S
188. Theo Brodmann, toàn bộ vỏ não được chia làm 50 vùng chức năng. Đ/S
189. Vùng 6 của thùy trán có mối liên quan với hệ ngoại tháp để chi phối vận động tự động. Đ/S
190. Vùng lời nói nằm ở thùy trán và thùy thái dương. Đ/S
191. Vùng lời nói chỉ phân bố một bên bán cầu đại não. Đ/S
192. Hệ thần kinh tự động không chịu sự chi phối của vỏ não. Đ/S
193. Đường dẫn truyền của hệ thần kinh tự động từ trung tâm tháp đi đến các cơ quan luôn luôn có 2 sợi: sợi trước hạch và sợi sau hạch. Đ/S
194. Receptor của hệ giao cảm luôn luôn là noradrenergic receptor. Đ/S
195. Receptor của hệ phó giao cảm luôn luôn là cholinergic receptor. Đ/S
196. Hạch thực vật của dây X chi phối cho dạ dày nằm ngay trong thành dạ dày. Đ/S
197. Atropin không chiếm được receptor của acetylcholin tại hạch thực vật. Đ/S
198. Tác dụng của giao cảm và phó giao cảm lên các cơ quan trong cơ thể là hoàn toàn trái ngược nhau. Đ/S
199. Kích thích giao cảm có thể làm giảm tiêu hóa các chất ở trong ruột. Đ/S
200. Thân nơ ron có thể là nơi phát sinh xung động thần kinh. Đ/S
201. Cúc tận cùng là phần cuối của đuôi gai. Đ/S
202. Trong hệ thần kinh, xy nắp hóa học chiếm đa số. Đ/S
203. Phần sau xy nắp luôn luôn là đuôi gai của nơ ron. Đ/S
204. Enzym tại khe xy nắp có tác dụng bảo vệ phần sau xy nắp. Đ/S
205. Số lượng túi xy nắp chứa trong cúc tận cùng là vô hạn. Đ/S
206. Neostigmin là một chất làm co cơ vân. Đ/S
207. Curase là chất gây liệt cơ trơn ruột non. Đ/S
208. Hành não là trung tâm của nhiều phản xạ có vai trò sinh mạng. Đ/S
209. Hành não có chức năng làm tăng trương lực cơ là do có chứa nhân đỏ. Đ/S
210. Khi tiểu não bị tổn thương, các động tác chủ động cũng như tự động đều bị rối loạn. Đ/S
211. Bình thường, dịch não tủy có dưới 5 bạch cầu trung tính trong 1 mm<sup>3</sup>. Đ/S
212. Bình thường, áp lực của dịch não tủy khoảng 12 cm nước. Đ/S

- 
213. Vỏ não là trung tâm của hoạt động tư duy. Đ/S
214. Chức năng vận động chiếm diện tích lớn nhất trên vỏ não. Đ/S
215. Vùng lời nói trên vỏ não có 2 vùng: vùng Broca và vùng Wernicke. Đ/S
216. Vùng lời nói luôn phân bố đều ở 2 bên bán cầu đại não. Đ/S
217. Về mặt giải phẫu, hệ thần kinh được chia làm 2 phần: động vật và thực vật. Đ/S
218. Vỏ não có thể điều khiển được một số chức năng của hệ thần kinh tự động. Đ/S
219. Tuyến thượng thận có thể được xem là một hạch giao cảm lớn. Đ/S
220. Sợi sau hạch giao cảm đi đến tuyến mồ hôi bài tiết ra norepinephrin. Đ/S
221. Nêu các chức năng cơ bản của hệ thần kinh ?
222. Cách phân loại xy nắp theo cấu trúc và theo cơ chế dẫn truyền ?
223. Vì sao nói xy nắp hóa học là loại xy nắp quan trọng ?
224. Hãy nói về túi xy nắp ?
225. Hãy nêu tên một số chất trung gian hóa học thường gặp ?
226. Hãy nói về khe xy nắp ?
227. Hãy nói về receptor ?
228. Trình bày cơ chế dẫn truyền của điện thế động ?
229. Thế nào là hiện tượng chậm xy nắp ?
230. Trình bày các điều kiện cần cho sự dẫn truyền qua xy nắp ?
231. Trình bày cấu tạo của một cung phản xạ tủy ?
232. Khi khám phản xạ gân, để hạn chế ảnh hưởng của vỏ não, ta phải áp dụng các biện pháp gì ?
233. Ý nghĩa của phản xạ Babinski ?
234. Hãy nêu các chức năng của dịch não tủy ?
235. Hãy trình bày sự thay đổi của dịch não tủy trong bệnh viêm màng não mủ ?
236. Hãy nói về các qui luật hoạt động vùng vận động và cảm giác của vỏ não ?
237. Hãy nói về các loại receptor của hệ giao cảm ?
238. Hãy nói về các loại receptor của hệ phó giao cảm ?
239. Hãy nêu các chức năng của thân nơ ron ?
240. Xy nắp là gì ?
241. Thế nào là hiện tượng mỗi xy nắp ?
242. Vì sao có hiện tượng mỗi xy nắp ?
243. Ý nghĩa của hiện tượng mỗi xy nắp ?
244. Nêu ý nghĩa sinh lý của enzym tại khe xy nắp ?

245. Tác dụng của reserpin lên sự dẫn truyền qua xy náp ?
246. Cơ chế tác dụng của atropin trong điều trị nhiễm độc phospho hữu cơ ?
247. Vì sao nói nhiễm độc phospho hữu cơ chính là nhiễm độc acetylcholin ?
248. Giải thích tác dụng của tenormin trong điều trị nhịp tim nhanh ?
249. Giải thích tác dụng của atropin trong điều trị cơn đau do co thắt cơ trơn đường tiêu hóa ?
250. Giải thích tác dụng của physostigmin trong điều trị bệnh nhược cơ ?
251. Hiện tượng bất chéo của đường tháp có ý nghĩa gì ở lâm sàng ?
252. Hãy nói về chức năng của đường ngoại tháp ?
253. Hãy nói về đường cảm giác sâu có ý thức ?
254. Hãy nói về đường cảm giác sâu không có ý thức ?
255. Hãy nói về đường dẫn truyền xúc giác ?
256. Hãy nói về đường cảm giác nóng lạnh và cảm giác đau ?
257. Phản xạ là gì ?
258. Thế nào là một cung phản xạ tủy ?
259. Hãy kể tên các loại phản xạ tủy ?
260. Cách khám phản xạ Babinski ?
261. Vì sao phản xạ Babinski ít có giá trị ở trẻ dưới 2 tuổi ?
262. Vì sao nói hành não là một trung tâm thần kinh đóng vai trò sinh mạng ?
263. Trình bày phản xạ điều hòa hô hấp của hành não ?
264. Trình bày thí nghiệm đuổi cứng mắt não ?
265. Trình bày chức năng điều hòa trương lực cơ và chức năng giữ thăng bằng cho cơ thể của tiểu não ?
266. Trình bày chức năng điều hòa các động tác chủ động của tiểu não ?
267. Trình bày chức năng điều hòa các động tác tự động của tiểu não ?
268. Nêu chức năng chung của vùng dưới đồi ?
269. Hãy nói về chức năng thực vật của vùng dưới đồi ?
270. Hãy nói về chức năng điều nhiệt của vùng dưới đồi ?
271. Hãy nói về sự lưu thông của dịch não tủy ?
272. Hãy nêu các chức năng của vỏ não ?
273. Trình bày vùng thị giác của vỏ não ?
274. Trình bày vùng thính giác của vỏ não ?
275. Hãy nói về vùng Broca ?

- 276. Hãy nói về vùng Wernicke ?
- 277. Vùng lời nói được phân bố trên vỏ não như thế nào ?
- 278. Trình bày chất trung gian hóa học của hệ giao cảm ?
- 279. Hãy nói về trung tâm của hệ phó giao cảm ?
- 280. Hãy nói về trung tâm của hệ giao cảm ?

No Thing